

THÔNG BÁO

Về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên Học kỳ 2 năm học 2024-2025

Thực hiện Kế hoạch năm học 2024-2025, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn thông báo về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập (KKHT) học kỳ 2 năm học 2024-2025, nội dung cụ thể như sau:

1. Đối tượng được xét cấp học bổng khuyến khích học tập

Học bổng KKHT được xét cấp cho sinh viên đang học theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của chương trình đào tạo thứ nhất trình độ đại học hệ chính quy của Trường.

2. Tiêu chuẩn để được xét cấp học bổng KKHT

Sinh viên đủ điều kiện đưa vào danh sách xét học bổng KKHT phải đạt tất cả các tiêu chuẩn sau:

- Có kết quả học tập, rèn luyện từ loại Khá trở lên (xem Phụ lục I);
- Đảm bảo được tiến độ học tập (xem Phụ lục I);
- Không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét học bổng.

***Lưu ý: Không xét, cấp học bổng KKHT đối với sinh viên thuộc một trong các trường hợp sau:**

- Học quá thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa;
- Có học phần không đạt trong học kỳ xét học bổng.

3. Nguồn học bổng KKHT

Nguồn học bổng KKHT được bố trí tối thiểu bằng 8% (tám phần trăm) nguồn thu học phí của học kỳ xét cấp học bổng.

4. Mức học bổng KKHT

Mức học bổng bằng hoặc cao hơn mức trần học phí hiện hành của ngành, chuyên ngành mà sinh viên phải đóng cho Trường do Hiệu trưởng quy định.

Sinh viên được cấp học bổng KKHT phải đảm bảo tất cả các quy định tại mục 2 và được xét theo ngành học, khóa học thứ tự từ loại học bổng xuất sắc trở xuống đến hết nguồn học bổng được xác định.

(Chi tiết xem Phụ lục I)

5. Danh sách sinh viên đủ điều kiện đưa vào xét cấp học bổng KKHT

- Sinh viên ngành Công nghệ thông tin xem tại Phụ lục II;
- Sinh viên ngành Trí tuệ nhân tạo xem tại Phụ lục III
- Sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật máy tính xem tại Phụ lục IV;

- Sinh viên ngành An toàn thông tin xem tại Phụ lục V;
- Sinh viên ngành Công nghệ truyền thông xem tại Phụ lục VI;
- Sinh viên ngành Quản trị kinh doanh xem tại Phụ lục VII;
- Sinh viên ngành Marketing xem tại Phụ lục VIII;

Nhà trường thông báo để sinh viên được biết và thực hiện kiểm tra rà soát lại thông tin, nếu có thắc mắc sinh viên phản hồi về Phòng Công tác sinh viên **trước 10h ngày 09/12/2025**. Sau thời gian quy định, Nhà trường sẽ không giải quyết bất kỳ trường hợp nào liên quan.

Mọi thắc mắc đề nghị liên hệ:

Cô Trần Thị Dung - Phòng Công tác sinh viên (Phòng V.A105)

E-mail: congtacsinhvien@vku.udn.vn

ĐT: 0236.3667.129.

Đề nghị các Khoa, đơn đốc giảng viên chủ nhiệm các lớp thực hiện triển khai nội dung thông báo này đến toàn thể sinh viên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Khoa (để thực hiện);
- Sinh viên (để thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

TS. Lê Thị Minh Đức

PHỤ LỤC I
TIÊU CHUẨN VỀ XÉT CẤP HỌC BỔNG
KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

(Kèm theo Thông báo số 1908/TB-ĐHVV ngày 02 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn)

1. Quy định kết quả học tập để xét học bổng KKHT

- a) Kết quả học tập để xét học bổng KKHT dựa vào điểm trung bình chung học kỳ, không tính kết quả học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, Tiếng Anh dự bị.
- b) Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng KKHT theo thang điểm 10 được tính từ điểm học phần (không tính học phần học lại, học cải thiện, học phần được miễn).
- c) Điểm các học phần học kỳ phụ được tính cùng với học kỳ chính liền kề trước để xét học bổng.
- d) Kết quả học tập trong học kỳ xét học bổng KKHT xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và quy định của Trường về đánh giá kết quả học tập.

e) Xếp loại kết quả học tập

Xếp loại kết quả học tập	Điểm trung bình học kỳ/Điểm chung bình chung học tập) (Thang điểm 10)
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0
Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0
Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0

2. Quy định xếp loại kết quả rèn luyện

Xếp loại rèn luyện	Điểm rèn luyện học kỳ (Trình độ Đại học)
Xuất sắc	Từ 90 đến 100
Tốt	Từ 80 đến 89
Khá	Từ 65 đến 79

3. Quy định về xếp loại học bổng

TT	Xếp loại học bổng	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc
2	Giỏi	Xuất sắc	Tốt
		Giỏi	Xuất sắc, Tốt
3	Khá	Xuất sắc	Khá
		Giỏi	Khá
		Khá	Xuất sắc
			Tốt
			Khá

4. Quy định tiến độ học tập

Tiến độ học tập thể hiện qua số lượng tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký học và dự thi lũy kế sau từng học kỳ của chương trình đào tạo (không tính các học phần Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục thể chất và Anh văn dự bị).

Điều kiện để đảm bảo tiến độ học tập để xét, cấp học bổng KKHT được quy định cho sinh viên từng khóa học, từng ngành, từng chuyên ngành, được tính theo công thức:

$$LK \geq 3 \min (BQ, KH)$$

Trong đó:

LK: số lượng tín chỉ lũy kế mà sinh viên đã đăng ký học và dự thi tính đến hết học kỳ xét học bổng KKHT.

min: là hàm lấy giá trị nhỏ hơn trong hai đại lượng BQ và KH, trong đó:

BQ: số lượng tín chỉ bình quân lũy kế dựa theo chương trình đào tạo của từng khóa, từng ngành, từng chuyên ngành tính đến hết học kỳ được xét học bổng KKHT.

KH: số lượng tín chỉ lũy kế theo kế hoạch đào tạo được Trường thiết kế theo từng học kỳ. Số lượng tín chỉ theo kế hoạch đối với mỗi khóa học, ngành, chuyên ngành sẽ được Phòng Đào tạo công bố tại thời điểm đăng ký học của sinh viên của học kỳ Trường xét học bổng KKHT.

*** Bảng tiến độ học tập:**

TT	Ngành/chuyên ngành	Tổng số tín chỉ (khóa học)	Học kỳ 2 NH 2024-2025		Ghi chú
			Bình quân (BQ)	Kế hoạch (KH)	
I	Khóa 2021				
1	Công nghệ kỹ thuật máy tính	152	135	139	
2	Công nghệ thông tin: - Chuyên ngành Công nghệ phần mềm - Chuyên ngành Công nghệ phần mềm (song ngữ Nhật - Việt) - Chuyên ngành Công nghệ phần mềm (song ngữ Anh - Việt) - Chuyên ngành Công nghệ phần mềm (song ngữ Hàn - Việt) - Chuyên ngành Mạng và an toàn thông tin - Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện - Chuyên ngành Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số - Chuyên ngành Hệ thống nhúng và Iot	152	135	139	
3	Quản trị kinh doanh: - Chuyên ngành Quản trị Thương Mại điện tử - Chương trình Cử nhân toàn cầu - Chuyên ngành Digital Marketing - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số	125	125	125	
III	Khóa 2022				
1	Công nghệ kỹ thuật máy tính	160			
	Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)				
1.1	- Chuyên ngành Hệ thống nhúng và Iot	160	107	110	
	- Chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn	160	107	109	
	Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)				
1.2	- Chuyên ngành Hệ thống Nhúng và IoT	126	96	108	
	- Chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn	126	96	106	
2	Công nghệ thông tin (kỹ sư)				
2.1	- Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số	160	107	109	

TT	Ngành/chuyên ngành	Tổng số tín chỉ (khóa học)	Học kỳ 2 NH 2024-2025		Ghi chú
			Bình quân (BQ)	Kế hoạch (KH)	
2.2	- Chuyên ngành Công nghệ phần mềm - Chuyên ngành Công nghệ phần mềm (song ngữ Anh – Việt) - Chuyên ngành Công nghệ phần mềm (song ngữ Nhật – Việt) - Chuyên ngành công nghệ phần mềm (song ngữ Hàn – Việt) - Chuyên ngành Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	160	107	110	
2.3	- Chuyên ngành Hệ thống Nhúng và IoT	160	107	108	
2.4	- Chuyên ngành Mạng và an toàn thông tin	160	107	111	
3	Công nghệ thông tin (cử nhân)				
3.1	- Chuyên ngành Công nghệ phần mềm song ngữ Hàn - Việt	126	95	101	
3.2	- Chuyên ngành Công nghệ phần mềm - Chuyên ngành Công nghệ phần mềm song ngữ Anh - Việt - Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện - Chuyên ngành hợp tác doanh nghiệp	126	95	104	
3.3	- Chuyên ngành Hệ thống Nhúng và IOT	126	95	105	
4	Quản trị kinh doanh				
4.1	- Chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử	125	94	98	
4.2	- Chuyên ngành Marketing kỹ thuật số - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số - Chuyên ngành Quản trị tài chính số	125	94	100	
4.3	- Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số	125	94	102	
	- Chuyên ngành Quản trị dự án công nghệ thông tin	125	94	97	
IV	Khóa 2023				
1	Công nghệ kỹ thuật máy tính				
	Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)	160			
1.1	- Chuyên ngành Hệ thống nhúng và Iot	160	71	74	
	- Chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn	160	71	75	
1.2	Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân) - Chuyên ngành Hệ thống nhúng và Iot - Chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn	126	63	74	

TT	Ngành/chuyên ngành	Tổng số tín chỉ (khóa học)	Học kỳ 2 NH 2024-2025		Ghi chú
			Bình quân (BQ)	Kế hoạch (KH)	
2	Công nghệ thông tin (kỹ sư)				
2.1	- Chuyên ngành Mạng và an toàn thông tin	160	71	71	
2.2	- Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số	160	71	74	
2.3	- Chuyên ngành Công nghệ phần mềm - Chuyên ngành công nghệ phần mềm song ngữ Anh - Việt - Chuyên ngành công nghệ phần mềm song ngữ Nhật - Việt - Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện	160	71	75	
3	Công nghệ thông tin (cử nhân) - Chuyên ngành công nghệ phần mềm - Chuyên ngành công nghệ phần mềm (song ngữ Anh - Việt) - Chuyên ngành công nghệ phần mềm (song ngữ Nhật - Việt) - Chuyên ngành hợp tác doanh nghiệp	126	63	75	
	- Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện	126	63	71	
4	Trí tuệ nhân tạo (Kỹ sư)	160	71	73	
5	Quản trị kinh doanh				
5.1	- Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số - Chuyên ngành Quản trị tài chính số	125	63	68	
5.2	- Chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử - Chuyên ngành Marketing kỹ thuật số - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số	125	63	65	
5.3	- Chuyên ngành quản trị dự án công nghệ thông tin	125	63	64	
V Khóa 2024					
1	- Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư) - Chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn	160	36	39	
2	- Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)	126	32	39	
3	- Công nghệ thông tin (kỹ sư) - An toàn thông tin (kỹ sư)	160	36	36	
4	- Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)	160	36	38	

TT	Ngành/chuyên ngành	Tổng số tín chỉ (khóa học)	Học kỳ 2 NH 2024-2025		Ghi chú
			Bình quân (BQ)	Kế hoạch (KH)	
5	- Công nghệ thông tin (cử nhân) - Công nghệ thông tin (cử nhân - Hợp tác doanh nghiệp)	126	32	36	
6	- Công nghệ truyền thông (cử nhân) - Công nghệ truyền thông - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số (cử nhân)	126	32	35	
7	Quản trị kinh doanh: - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số - Chuyên ngành quản trị dự án công nghệ thông tin - Chuyên ngành Quản trị tài chính số - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số	125	31	34	
7.1	- Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử	125	31	35	
7.2	- Marketing	125	31	36	

5. Nguyên tắc xét, cấp học bổng KKKT: xem chi tiết tại Quy định về xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, chính sách hỗ trợ tuyển sinh và học bổng tài trợ cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (ban hành kèm theo Quyết định số 1868/QĐ-ĐHVH ngày 04/12/2023).

